

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 612/2022/HC-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2022
*“V/v khiếu kiện quyết định, hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Đặng Văn Hưng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 456/2022/TLPT-HC ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11655/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Trần Trung T, sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H, chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức T1, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Trần Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện, ông Trần Trung T trình bày:*

Gia đình ông T có thửa đất số 570 tờ bản đồ số 02 với diện tích 768m², đã được UBND huyện N cấp GCNQSD đất số M597312 ngày 2/1/2001 mang tên Trần Trung T. Nguồn gốc thửa đất là do tổ tiên để lại, gia đình sử dụng trước năm 1976. Ông T đã xây dựng nhà ở kiên cố trên diện tích đất này. Đến năm 2005 ông T chuyển nhượng 125m² đất vườn trong tổng số diện tích đất nói trên của gia đình. Tổng diện tích đất này của gia đình có 300m² nằm trong diện tích giải tỏa cấm mốc hành lang bảo vệ an toàn giao thông nhưng chưa được cơ quan Nhà nước bồi thường, hỗ trợ; gia đình đã khiếu nại và đối thoại với nhiều lần nhưng chưa có kết quả. Ngày 15/3/2019, ông nhận được Công văn số 304/UBND-MB, ngày 12/3/2019 của UBND huyện N trả lời ông như sau: *“Tại thời điểm thực hiện Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng chưa có quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; chưa có văn bản nào quy định cụ thể về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, khung giá, định mức bồi thường về đất ở, đất vườn cho hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, giải tỏa hành lang an toàn giao thông. Trong đó chỉ quy định nghĩa vụ của tổ chức cá nhân đối với việc sử dụng đất nông nghiệp và đất có rừng vào mục đích khác”*. UBND huyện N cho rằng: Dự án thi công đoạn đường qua hộ gia đình nhà ông được triển khai thực hiện trong phạm vi chỉ giới 24m đã được đóng mốc 203-HĐBT từ năm 1993 và giải tỏa hành lang an toàn giao thông năm 1995 là đúng với quy định tại Nghị định 203/HĐBT. Dự án thực hiện nâng cấp trên cơ sở hiện trạng, không mở rộng đường thu hồi đất của các hộ dân. Cho nên, không thực hiện việc thu hồi đất, không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai trong phạm vi 24m. Tại thời điểm đó, khi mở rộng nâng cấp các tuyến đường giao thông không đặt ra việc bồi thường đất đai và thực tế không có địa phương nào thực hiện việc bồi thường về đất đai. Tại thời điểm thi hành Nghị định số 203 -HĐBT không có quy định nào ban hành quyết định thu hồi đất.

Sau khi nhận được Công văn 304/UBND-MB nói trên, ông không đồng ý nên đã làm đơn khiếu nại đến nhiều cấp ngành đề nghị được giải quyết việc bồi thường, GPMB thực hiện đúng quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông. Đến ngày 20/12/2019, UBND huyện N ban hành văn bản số 2128 trả lời khiếu nại của ông không có cơ sở và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trả lời tại Công văn số 304 ngày 12/3/2019.

Không đồng ý với trả lời của UBND huyện N, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên: Hủy bỏ Quyết định hành chính số 2128/UBND-VP ngày 20/12/2019 của UBND huyện N; buộc UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh phải bồi thường hỗ trợ GPMB cho gia đình ông đối với diện tích 300m² bị thu hồi nói trên đúng quy định của luật đất đai hiện hành; buộc UBND huyện N thực hiện việc cấp hai lô đất theo nội dung văn bản làm việc với gia đình ông ngày 8/3/2019.

- *Người bị kiện, UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh trình bày:*

Tại Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án Nâng cấp đường G đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2) xác định phạm vi chiếm dụng đất của công trình (bề rộng nền đường) là 24m. Dự án được triển khai thực hiện trong phạm vi chỉ giới 24m đã được đóng mốc 203-HĐBT từ năm 1993 và giải tỏa hành lang an toàn giao thông năm 1995. Dự án thực hiện nâng cấp trên cơ sở hiện trạng, không mở rộng đường thu hồi đất của các hộ dân. Cho nên, không thực hiện việc thu hồi đất, không thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ về đất đai trong phạm vi 24m.

Hệ thống pháp luật quản lý đất đai giai đoạn từ năm 1988 đến trước ngày 15/10/1993 (thực hiện Luật Đất đai 1987 ban hành ngày 08/01/1988); Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 và các văn bản quy phạm pháp luật khác thực hiện Luật Đất đai 1987) thì việc đóng mốc lộ giới 203-HĐBT nêu trên thực hiện trong phạm vi 24m năm 1993 trong thời điểm điều chỉnh của Luật Đất đai 1987. Tại thời điểm thực hiện Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng chưa có quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; chưa có văn bản nào quy định cụ thể về nguyên tắc, trình tự, thủ tục, khung giá, định mức bồi thường về đất ở, đất vườn cho hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất, giải tỏa hành lang an toàn giao thông. Tại biên bản làm việc ngày 08/11/2012 giữa UBND tỉnh và Thanh tra Chính phủ về phương án giải quyết về kiến nghị yêu cầu được bồi thường đất đai do việc giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án nâng cấp xây dựng quốc lộ 8B của 62 hộ dân thị trấn N khẳng định “*Việc UBND huyện N, UBND tỉnh H không xem xét bồi thường thiệt hại về đất đối với 62 hộ dân thị trấn N là đúng đắn và phù hợp với quy định Nghị định số 203-HĐBT năm 1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Luật Đất đai*”; giao trách nhiệm cho UBND huyện N tiếp tục các biện pháp tuyên truyền vận động, huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc đồng thời tổ chức gặp gỡ đối thoại do lãnh đạo huyện chủ trì với chính quyền địa phương làm rõ các vấn đề nêu trên để nhân dân hiểu rõ đồng tình.

Từ các căn cứ trên, UBND huyện N ban hành Văn bản số 2128/UBND-VP ngày 20/12/2019 và số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 khẳng định ông Trần Trung T yêu cầu được bồi thường về phần đất đã giải tỏa hành lang an toàn giao thông năm 1995 theo Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng là không có cơ sở nên UBND huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã trả lời cho người khởi kiện theo Công văn 304 và 2128.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã X trình bày:*

Dự án nâng cấp đường G đi Khu D thị trấn Nguyễn D là thực hiện nâng cấp trên cơ sở hiện trạng về lề đường, nền và mặt đường đã được đóng mốc lộ giới 203-HĐBT từ năm 1993 và giải tỏa hành lang bảo vệ an toàn giao thông đường bộ năm 1995 trong phạm vi chỉ giới 24m, không phải mở rộng đường thu hồi đất của các hộ dân, không phải thực hiện việc thu hồi đất và không bồi thường, hỗ trợ về

đất đai trong phạm vi đã giải tỏa. Hộ gia đình ông Trần Trung T đề nghị được bồi thường, hỗ trợ về diện tích đất trong phạm vi 24m đã giải tỏa theo Nghị định 203-HĐBT là không có sơ sở. Bên cạnh đó căn cứ vào hồ sơ lưu trữ đất đai và diện tích cấp GCNQSD đất của ông Trần Trung T qua các thời kỳ và hiện trạng sử dụng đất xét thấy phù hợp với thực tế sử dụng theo đúng mốc giới đường rộng 24 (tìm đường vào 12m). Từ các căn cứ trên, U khẳng định ông Trần Trung T yêu cầu được bồi thường về phần đất đã giải tỏa hành lang an toàn giao thông năm 1995 thực hiện Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng là không có sơ sở.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST, ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tố tụng hành chính: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T.

Áp dụng Luật Đất đai 1987, Luật Đất đai 1993, Luật Đất đai 2003, Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Điều 18, điều 21 Luật Khiếu nại 2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 203-HĐBT, ngày 21/12/1982 về việc ban hành Điều lệ bảo.... về đường bộ; Quyết định số 06-CT, ngày 03/01/1990 của Chủ tịch HĐBT về việc thực hiện Nghị định 203; tuyên xử:

- Bác yêu cầu của ông Trần Trung T về việc yêu cầu hủy bỏ Quyết định hành chính số 2128/ UBND-VP ngày 20/12/2019 của UBND huyện N.

- Bác yêu cầu buộc UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh phải bồi thường hỗ trợ GPMB cho gia đình ông đối với diện tích 300m² bị thu hồi nói trên đúng quy định của luật đất đai hiện hành.

- Bác yêu cầu buộc UBND huyện N thực hiện việc cấp hai lô đất theo nội dung văn bản làm việc với gia đình ông ngày 8/3/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2022, ông Trần Trung T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần Trung T giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Đất của ông có nguồn gốc của tổ tiên từ khoảng 100 năm, có từ trước năm 1980 và có tên trong bản đồ 299; việc các cơ quan Nhà nước cấm mốc giới hành lang thực hiện vào thời gian nào thì ông không được biết. Đất của ông đã được cấp giấy CNQSD đất năm 2001, diện tích được cấp trong giấy CNQSD đất bao gồm cả hiện trạng cấm mốc giới. Khi mở rộng đường từ G đi xuống khu Đ, Nhà nước đã lấy của ông 300m² đất, hiện trạng đất của ông chỉ có khoảng hơn 300m² nhưng không đền bù là không đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông; UBND huyện N ban hành Công văn số 2128/UBND-VP ngày 20/12/2019 trả lời với nội dung không đồng ý với các

yêu cầu khiếu nại của ông là không đúng. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Trần Trung T là trong hạn luật định và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét thấy Công văn số 2128 ngày 20/12/2019 của UBND huyện N được ban hành trên cơ sở Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 trả lời ông Trần Trung T về chính sách bồi thường thi công đường G - N nên bản án sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của hai công văn này là có căn cứ pháp luật. Các công văn này được UBND huyện N trả lời ông Trần Trung T là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Về nội dung đã giải quyết đúng chính sách đất đai tại thời điểm thực hiện việc cấm mốc lộ giới hành lang an toàn giao thông Tỉnh lộ I từ ngã ba G đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn D vào năm 1993; không có căn cứ việc ông T bị thu hồi 300m² đất và ông T không bị thu hồi về đất ở nên không thuộc trường hợp được cấp tái định cư; bản án sơ thẩm bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T là có căn cứ pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Trần Trung T là trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt người khởi kiện có kháng cáo, vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ ý kiến của đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Trung T khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 2128/UBND-VP ngày 20/12/2019 của UBND huyện N, buộc UBND huyện N phải bồi thường hỗ trợ GPMB cho gia

đình ông đối với diện tích 300m² bị thu hồi, buộc UBND huyện N thực hiện việc cấp hai lô đất theo nội dung văn bản làm việc với gia đình ông ngày 8/3/2019; đây là các yêu cầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của ông Trần Trung T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nội dung kháng cáo yêu cầu huỷ bỏ Công văn số 2128 ngày 20/12/2019 của UBND huyện N:

Xét thấy công văn này được ban hành trên cơ sở Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 trả lời ông Trần Trung T về chính sách bồi thường thi công đường G đi khu D thi hào Nguyễn D; do đó cần xem xét tính hợp pháp của cả hai công văn này theo quy định của pháp luật.

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Trung T, UBND huyện N đã ban hành Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 trả lời ông Trần Trung T về chính sách bồi thường thi công đường G đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn D và Công văn số 2128 ngày 20/12/2019 về việc trả lời hướng dẫn ông Trần Trung T. Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Luật Đất đai 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004, Điều 18, điều 21 Luật Khiếu nại 2011 Luật tổ chức chính quyền địa phương thì việc UBND huyện N ban hành các văn bản trên là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền.

[2.1.2] Về nội dung của quyết định hành chính bị khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan:

- Đối với Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 của UBND huyện N:

Công văn này được ban hành trên căn cứ các quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 về việc ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; Quyết định số 06-CT ngày 03/01/1990 của Chủ tịch HĐBT về việc thực hiện Nghị định 203; Quyết định 658-QĐ/UBND ngày 17/6/1992 của UBND tỉnh H về việc phân cấp quản lý và số hiệu đường bộ và Thông tư số 185-TT/PC ngày 26/9/1983 của Bộ G; Công văn số 2928/SGTVT-QLGT-TTr ngày 13/11/2012 của Sở G1 về việc cung cấp số liệu cấm mốc lộ giới hành lang an toàn giao thông; hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành ngày 01/6/1993 và tài liệu lưu trữ tại văn thư lưu trữ huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo các quy định và các hướng dẫn trên thì: Việc cấm mốc lộ giới hành lang an toàn giao thông Tỉnh lộ I từ ngã ba G đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn D được triển khai thực hiện từ năm 1993. Phạm vi chỉ giới theo Nghị định 203/HĐBT là

24m, tính từ tim đường ra mỗi bên là 12m. Năm 1993, UBND huyện N đã tiến hành cắm được 300 cột mốc đoạn từ Ngã ba G đến xã X. Sau khi đóng cột mốc, UBND huyện N đã có Thông báo số 18/VP-UB ngày 21/6/1993 thông báo về việc đóng cọc mốc và cắm biển ranh giới thông báo về cự ly đóng mốc theo chiều ngang là 24m tính từ tim đường ra mỗi bên là 12m, trong phạm vi đó cấm không được làm nhà, lều quán bán hàng ... về các xã để giải thích cho nhân dân. Dự án Nâng cấp đường Gia Lách đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2) được triển khai trong phạm vi chỉ giới 24m, không mở rộng đường, không thu hồi lấy đất của các hộ dân. Tại thời điểm thực hiện việc đóng mốc theo Nghị Định 203-HĐBT, Luật Đất đai 1987 không quy định về chính sách bồi thường, hay hỗ trợ giải phóng mặt bằng nên UBND huyện N không ban hành các quyết định thu hồi đất đối với các hộ giáp ranh đường Tỉnh lộ I.

Ông Trần Trung T trình bày đất của gia đình ông được tổ tiên sử dụng từ khoảng 100 năm để lại cho ông sử dụng và ông có tên trong bản đồ địa chính 299. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện đất của gia đình ông T được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại Giấy CNQSD đất số M 597312, ngày 02/01/2001, sau thời điểm Nhà nước cắm mốc để thực hiện dự án nâng cấp đường G đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2) là 08 năm.

Theo Giấy CNQSD đất số M 597312, ngày 02/01/2001 thì tổng diện tích đất ông Trần Trung T được công nhận là 768m² và tại phần biến động đất thể hiện ngày 01/6/2005, đã chuyển nhượng cho hộ bà Phan Thị L 125m² đất vườn, diện tích đất còn lại là 614m², còn thiếu 29m² so với giấy CNQSD đất, không phải 300m² như ông T trình bày. Việc thiếu hụt diện tích đất này theo xác nhận của chính quyền địa phương là do sai số trong đo vẽ, bởi các ranh giới đất của ông T với các hộ liền kề không có sự thay đổi, không có tranh chấp và đã có tường bao quanh rõ ràng. Ranh giới phía Nam thửa đất của ông T giáp đường Tỉnh lộ I được cấp nằm hoàn toàn ngoài chỉ giới hành lang giao thông; phù hợp với hiện trạng đất của các hộ dân nằm cùng phía với thửa đất ông T. Ông T trình bày tổng diện tích đất hiện tại của ông là có cả phần đất phía sau lấn vào đất ao nuôi trồng thủy sản nhưng các số liệu trích đo từ bản đồ năm 2014 lưu trữ tại UBND xã X có tại hồ sơ thì việc đo vẽ đã bóc tách phần đất ao nuôi trồng thủy sản phía sau của ông T; diện tích 614m² trong bản đồ 2014 là diện tích đất được công nhận để cấp Giấy CNQSD đất cho ông T. Ông Trần Trung T cho rằng gia đình ông có 300m² đất bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án nâng cấp đường G đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2) là không có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, nội dung Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 của UBND huyện N trả lời ông Trần Trung T về chính sách bồi thường thi công đường G đi khu di tích Đại thi hào Nguyễn D là đúng quy định pháp luật, đúng với thực tiễn sử dụng đất của ông T cũng như thực tiễn thực hiện triển khai Dự án nâng cấp đường G đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2), không làm ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Trung T.

- Đối với Công văn số 2128/UBND-MB ngày 20/12/2019 của UBND huyện N:

Công văn này được ban hành do tiếp tục có khiếu nại của ông Trần Trung T, nội dung công văn vẫn giữ nguyên nội dung đã trả lời ông T tại Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019. Như đã phân tích ở trên, việc UBND huyện N ban hành Công văn số 304/UBND-MB ngày 12/3/2019 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, giải quyết đúng nội dung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên Công văn số 2128/UBND-MB ngày 20/12/2019 của UBND huyện N là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về nội dung kháng cáo yêu cầu buộc UBND huyện N, tỉnh Hà Tĩnh phải bồi thường hỗ trợ GPMB cho gia đình đối với diện tích 300m² bị thu hồi và buộc UBND huyện N thực hiện việc cấp hai lô đất theo nội dung văn bản làm việc với gia đình ông T ngày 8/3/2019:

Như đã phân tích tại mục [2.1], việc ông Trần Trung T trình bày bị thu hồi diện tích đất 300m² là không có cơ sở; do đó ông T yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ GPMB cho gia đình ông đối với diện tích đất 300m² là không có căn cứ chấp nhận.

Gia đình ông Trần Trung T không bị thu hồi đất ở, diện tích đất được cấp quyền sử dụng của ông T hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi Dự án nâng cấp đường G đi khu D, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (giai đoạn 2) nên không thuộc trường hợp được cấp đất tái định cư.

[3] Với những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm xử bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung T là có căn cứ pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung T; cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông Trần Trung T là người cao tuổi và là người có công nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Trung T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 29 tháng 6

năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Trung T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

